

CHƯƠNG 3: NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Câu 1:

a/tỷ giá hối đoái là gì?

Tỷ giá hối đoái (thường được gọi tắt là tỷ giá) là quan hệ so sánh giữa hai tiền tệ của 2 nước với nhau, hay là giá cả của một đơn vị tiền tệ nước này thể hiện bằng một số đơn vị tiền tệ nước kia. Như vậy bản chất của tỷ giá là một loại giá cả nhưng là giá cả của 1 loại hàng hóa đặc biệt đó là tiền tệ.

Ví dụ: tỷ giá USD/VND = 20.610 (hiểu là 20.610 VND mua được 1USD)

b/ ý nghĩa của tỷ giá hối đoái

- So sánh sức mua giữa các đồng tiền

Tỷ giá phản ánh tương quan giá trị giữa hai đồng tiền, thông qua đó có thể so sánh giá cả thị trường trong nước và trên thế giới, đánh giá năng suất lao động, giá thành sản phẩm trong nước với các nước khác.

- Kích thích và điều chỉnh xuất nhập khẩu

Thông qua cơ chế tỷ giá, chính phủ đã tác động đến xuất nhập khẩu trong từng thời kỳ, khuyến khích những ngành hàng, chủng loại hàng hóa tham gia hoạt động kinh tế đối ngoại, hạn chế nhập khẩu nhằm thực hiện định hướng phát triển cho từng giai đoạn.

- Điều tiết thu nhập trong hoạt động kinh tế đối ngoại

phân phối lại thu nhập giữa các ngành hàng có liên quan đến kinh tế đối ngoại và giữa các nước có liên quan về kinh tế với nhau

ví dụ : khi tỷ giá cao có tác dụng giúp nhà xuất khẩu có thêm lợi thế cạnh tranh về giá từ đó tăng thêm thu nhập cho nhà xuất khẩu.

- Là công cụ sử dụng trong cạnh tranh thương mại

Đó là biện pháp phá giá đồng tiền. ví dụ : Mỹ đã dùng công cụ tỷ giá để cản trở sự xuất khẩu các hàng hóa của Nhật sang Mỹ(đặc biệt là xe hơi).

Câu 2:

a/các phương pháp yết giá

- Phương pháp yết giá trực tiếp: là phương pháp quy định giá ngoại tệ khi niêm yết được thể hiện trực tiếp ra bên ngoài (áp dụng trừ ở Anh, Hoa Kỳ).

Ý nghĩa: khi nhìn vào tỷ giá yết theo pp trực tiếp ta thấy ngay 1 đơn vị ngoại tệ bằng bao nhiêu đơn vị nội tệ.

Ví dụ: USD/VND= 20,016 có nghĩa là 1USD=20,016VND

- Phương pháp yết giá gián tiếp: là pp quy định giá ngoại tệ khi niêm yết không thể hiện trực tiếp ra bên ngoài (áp dụng ở Anh, Hoa Kỳ...)

Ý nghĩa :tỷ giá gián tiếp chỉ thể hiện gián tiếp giá của ngoại tệ, muốn biết giá của ngoại tệ ta phải lấy nghịch đảo của tỷ giá.

Ví dụ: tỷ giá ở Anh GBP/USD=1,5357 có nghĩa là 1USD = 1/1,5357GBP=0,6511GBP

b/ sự khác biệt:

	Pp trực tiếp	Pp gián tiếp
1.vị trí các đồng tiền	- đồng tiền ngoại tệ đứng trước, đồng nội tệ đứng sau	- đồng nội tệ đứng trước, đồng ngoại tệ đứng sau
2.Nơi áp dụng	- Hầu hết các nước trừ Anh, Mỹ, thành viên EMU	- Anh, Mỹ, thành viên EMU
3. ý nghĩa	- 1 đơn vị ngoại tệ=tỷ giá trực tiếp*1 đơn vị nội tệ	- 1 đơn vị ngoại tệ = 1/tỷ giá gián tiếp*1 đơn vị nội tệ

Câu 3:

Các loại tỷ giá hối đoái:

a/ căn cứ vào công cụ thanh toán quốc tế

- Tỷ giá chuyển tiền bằng điện(T/T rate) hay tỷ giá điện hối:là tỷ giá ngân hàng bán ngoại tệ cho khách hàng+trách nhiệm chuyển ngoại tệ cho người thụ hưởng bằng phương tiện chuyển tiền điện tử (EFT)
 - + là tỷ giá cơ bản của 1 quốc gia
 - + tốc độ thanh toán nhanh
 - + chi phí cao
- Tỷ giá chuyển tiền bằng thư(M/T) hay tỷ giá thư hối: là tỷ giá ngân hàng bán ngoại tệ cho khách hàng không kèm lệnh chuyển tiền bằng phương tiện điện tử mà ngân hàng sẽ chuyển lệnh thanh toán ra bên ngoài bằng con đường thư tín thông thường

- + không thông dụng trong ttqt
- + tốc độ thanh toán rất chậm
- + chi phí rẻ
- Tỷ giá séc: là tỷ giá NH bán séc ngoại tệ cho KH kèm theo trách nhiệm chuyển séc đến người thụ hưởng
 - + tỷ giá séc = tỷ giá điện hối – tiền lãi phát sinh trên tỷ giá điện hối kể từ khi mua séc đến khi séc được trả tiền tính theo lãi suất huy động nội tệ
- Tỷ giá hối phiếu ngân hàng trả ngay: là tỷ giá NH bán hối phiếu ngoại tệ trả ngay cho khách hàng là người thụ hưởng hối phiếu
 - + khách hàng sẽ ký hậu chuyển nhượng hối phiếu cho người khác mà khách hàng có nghĩa vụ trả ngoại tệ
 - + người này đem hối phiếu trên đến NH chỉ định trên hối phiếu sẽ được nhận tiền ngay sau khi xuất trình.
 - + tỷ giá hp trả tiền ngay = tỷ giá điện hối – lãi phát sinh kể từ khi mua hối phiếu đến khi hối phiếu được trả tiền tính theo lãi suất huy động ngoại tệ
- Tỷ giá hối phiếu ngân hàng trả chậm: là tỷ giá NH bán HP ngoại tệ trả chậm cho khách hàng là người thụ hưởng HP
- Tỷ giá: giống HP trả ngay. Thời hạn tính lãi = thời hạn trả tiền ghi trên HP + thời gian chuyển từ HP từ NH bán đến NH trả tiền.
b/ căn cứ vào nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng:
- Tỷ giá mua và tỷ giá bán
 - + tỷ giá mua (bid rate) là tỷ giá NH mua ngoại tệ
 - + tỷ giá bán (ask rate) là tỷ giá NH bán ngoại tệ
 - + khi niêm yết, tỷ giá mua đứng trước, tỷ giá bán đứng sau
 - + lợi nhuận trước thuế của NH = giá bán – giá mua
- Tỷ giá giao ngay (spot rate) và tỷ giá kỳ hạn (forward rate)
 - + tỷ giá giao ngay là tỷ giá mà NH có nghĩa vụ giao ngoại tệ ngay sau khi ký H Đ và nhận được tiền thanh toán trong một số ngày nhất định. Tùy theo tập quán thị trường thời hạn này có thể là T+3 hoặc T+2 hoặc T+1 (T là ngày ký H Đ)

- + tỷ giá kỳ hạn là tỷ giá mà NH có nghĩa vụ giao ngoại tệ sau ngày ký kết H Đ 1 thời gian quy định. Thời hạn=thời hạn giao ngay+thời hạn của HD mua bán ngoại tệ kỳ hạn
- Tỷ giá mở cửa(opening rate) và tỷ giá đóng cửa (closing rate)
 - + tỷ giá mở cửa là tỷ giá của HD mua bán ngoại tệ đầu tiên trong 1 ngày
 - +tỷ giá đóng cửa là tỷ giá của HD mua bán ngoại tệ cuối cùng trong ngày
- tỷ giá ngoại tệ tiền mặt(cash rate) và tỷ giá ngoại tệ chuyển khoản(transfer rate)
 - + tỷ giá ngoại tệ tiền mặt là tỷ giá NH bán ngoại tệ tiền mặt cho KH(tiền mặt: tiền giấy, tiền kim loại,séc du lịch, thư tín dụng du lịch)
 - + tỷ giá ngoại tệ chuyển khoản là tỷ giá mà NH bán ngoại tệ cho KH +trách nhiệm chuyển ngoại tệ đó cho người thụ hưởng của 1 tài khoản chỉ định.
 - +tỷ giá chuyển khoản thường cao hơn tỷ giá tiền mặt do tính phí chuyển khoản
- c/ căn cứ vào cơ chế quản lý ngoại hối
- TG cố định và TG thả nổi
 - +TG cố định:là TG do NHTW công bố cố định trong một biên độ dao động hẹp
 - + TG thả nổi:là TG được thả nổi có thể hoàn toàn theo cung cầu thị trường hoặc có sự can thiệp của nhà nước theo hướng có lợi cho nền kinh tế
- TG chính thức và TG chợ đen
 - +TG chính thức: do NHTW công bố phản ánh chính thức giá trị đối ngoại của đồng nội tệ
 - +TG chợ đen: được hình thành bên ngoài hệ thống NH, do cung cầu trên thị trường chợ đen quyết định
- Tỷ giá cơ bản và TG NHTM
- TG thường và TG ưu đãi
- TG đơn và TG phức

Câu 4:

Pp tính chéo tỷ giá:đứng ở góc độ của khách hàng, luôn bị mua đắt bán rẻ

a/xác định TG của 2 tiền tệ ở vị trí định giá của 2 cặp TG khác nhau

Bid=ask/bid

Ask=bid/ask

ví dụ: USD/GBP=(a, b)

USD/AUD=(c, d)

Suy ra : $GBP/AUD = USD/AUD : USD/GBP = (d/a, c/b)$

b/ xác định TG của 2 tiền tệ ở vị trí yết giá của 2 cặp TG khác nhau

Bid = ask/bid

Ask = bid/ask

Ví dụ: $EURO/USD = (a, b)$

$GBP/USD = (c, d)$

Suy ra : $EURO/GBP = EURO/USD : GBP/USD = (b/c, a/d)$

c/ xác định TG của 2 tiền tệ ở vị trí yết giá và định giá của 2 cặp TG khác nhau

Bid = ask*ask

Ask = bid*bid

Ví dụ: $AUD/USD = (a, b)$

$USD/VND = (c, d)$

Suy ra : $AUD/VND = AUD/USD * USD/VND = (b*d, a*c)$

Câu 5:

Cơ chế tỷ giá của Việt Nam:

- Cơ chế tỷ giá hối đoái là cách thức một nền kinh tế quản lý đồng tiền và xác định giá trị đồng tiền của mình thông qua một đồng tiền khác. NHTW quản lý tỷ giá bằng những quy định pháp luật và điều tiết thông qua thị trường ngoại hối.
- Hiện tại về mặt chính thức Việt Nam đang áp dụng Cơ chế tỷ giá thả nổi có điều tiết. Tiền VND được neo vào đồng USD, tỷ giá giữa VND và các đồng tiền khác được quy đổi chéo thông qua tỷ giá giữa USD với các đồng tiền quốc gia khác.

Tỷ giá niêm yết chính thức tối đa bằng tỷ giá bình quân liên ngân hàng theo công bố của NHNN cộng trừ với biên độ theo quy định. Trong quyết định điều chỉnh tỷ giá ngày 11/02/2011, NHNN đã giảm biên độ từ +/-3% xuống còn +/-1%. Trước đó NHNN đã nhiều lần thay đổi biên độ, mức tối đa trước đó là 10%, có thời điểm chỉ còn +/-0.1%.

- Cơ chế tỷ giá thả nổi có điều tiết được nhiều chuyên gia đánh giá là phù hợp với tình hình của Việt Nam. Song trong thực tế quá trình điều hành vẫn còn tồn tại nhiều bất cập. Một

số tổ chức quốc tế vẫn xem cơ chế điều hành tỷ giá của Việt Nam là cơ chế tỷ giá cố định.

- Đeo đuổi cơ chế tỷ giá theo hướng cứng, kém linh hoạt, VN đã phải đối mặt với áp lực điều chỉnh lớn bất thường khi nền kinh tế đối mặt với bất ổn trong cán cân thanh toán vì duy trì tỷ giá cứng khá lâu. Kết quả là chính những lần điều chỉnh lớn “bất thường” đã làm gia tăng rủi ro tỷ giá, tăng chi phí giao dịch, tác động tiêu cực đến việc khuyến khích hoạt động thương mại và đầu tư. Vì vậy, thay vì cố định cứng rất kém linh hoạt như thời gian qua, VN nên sớm thay đổi cơ chế theo hướng gia tăng khả năng linh hoạt. đồng thời VN cần xác định và công bố kỹ thuật tính toán tỷ giá, đa dạng hóa đồng tiền thanh toán trong thương mại để tránh phụ thuộc vào đồng USD cũng như chính sách tiền tệ của Mỹ, triển khai và phát triển các sản phẩm phái sinh(H Đ kỳ hạn,tương lai,hoán đổi, quyền chọn...)để giúp doanh nghiệp phòng ngừa rủi ro tỷ giá...

Câu 6:

a/ phân biệt tỷ giá chính thức và tỷ giá thị trường chợ đen:

	Tỷ giá chính thức	Tỷ giá phi chính thức
	- Là tỷ giá liên ngân hàng do nhà nước điều chỉnh - Áp dụng trong mua bán ngoại tệ giữa các ngân hàng và giữa các khách hàng khi đến ngân hàng - Thường thấp hơn tỷ giá phi chính thức	- Là tỷ giá điều chỉnh theo quan hệ cung cầu trên thị trường chợ đen - Áp dụng tại các quầy thu đổi ngoại tệ :giao dịch giữa quầy và khách hàng - Thường cao hơn tỷ giá chính thức

--	--	--

b/ có nên để 2 tỷ giá cùng tồn tại?

- Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hình thành thị trường chợ đen là do cung ngoại tệ trên thị trường chính thức không đáp ứng đủ cầu. Do đó thị trường chợ đen ra đời nhằm đáp ứng những nhu cầu thực tế như nhu cầu thanh toán ngoại tệ của doanh nghiệp, du lịch, du học, chữa bệnh ở nước ngoài, mua các sản phẩm bán theo ngoại tệ,... Tuy nhiên, khi thị trường này tồn tại và hoạt động, nó đã gây tình trạng bất ổn về tỷ giá do không đồng nhất với thị trường chính thức, cụ thể là cao hơn. Do đó gây hiện tượng đầu cơ giữa 2 thị trường, tăng tình trạng đô la hóa do người dân có đô la thích bán cho thị trường chợ đen hoặc găm giữ, tạo điều kiện cho hoạt động buôn lậu... Như vậy chúng ta cần phải xóa bỏ thị trường này nhưng đồng thời thị trường chính thức phải cung cấp đủ nhu cầu ngoại tệ cho các đối tượng có nhu cầu.

- c/ Liên hệ với VN:

- Thị trường “chợ đen” của Việt Nam phát triển vì nhu cầu đầu tư và sử dụng ngoại tệ của các cá nhân không được thị trường liên ngân hàng và hệ thống NHTM đáp ứng.

Trên thực tế, thời gian qua, tỷ giá chợ đen đã làm nhiều thị trường ngoại tệ. Đáng chú ý là, trước và sau mỗi lần NHNN thông báo điều chỉnh tỷ giá hối đoái, lạm dụng tâm lý của thị trường, các nhà đầu cơ đã lũng đoạn đẩy tỷ giá trên thị trường tự do tăng, tác động xấu đến tỷ giá, cũng như tâm lý người tiêu dùng. Do đó, điều quan trọng nhất trong năm 2011, là việc Chính phủ đã bắt đầu đưa ra những cơ chế để xây dựng thị trường hối đoái chính thức làm nền tảng để chấm dứt tình trạng các ngân hàng nhận tiền gửi và cho vay bằng ngoại tệ, thay vào đó là hoạt động mua và bán ngoại tệ, với một lộ trình từ nay cho đến năm 2013; tăng đường cung để đáp ứng nhu cầu ngoại tệ, điều chỉnh tỷ giá để tỷ giá giữa 2 thị trường gần nhau phản ánh đúng quan hệ cung cầu về ngoại tệ... từ từ xóa bỏ hẳn thị trường chợ đen.

Câu 7:

Các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của tỷ giá USD/VND và liên hệ thực tiễn ở VN:

a/ tình hình cung cầu USD trên thị trường:

- Tình hình dư thừa hay thiếu hụt của CCTTQT:

+thâm hụt: cầu USD > cung USD khiến TG cao

+thặng dư: cầu USD < cung USD khiến TG thấp

Tỷ giá USD/VND luôn ở mức cao do CCTT của nước ta thường xuyên ở trạng thái thâm hụt

- Thu nhập bằng USD của người cư trú và người không cư trú: nếu thu nhập của người cư trú tăng tương đối với thu nhập của người không cư trú làm tăng nhập khẩu ròng, tăng cầu USD dẫn đến TG tăng. Ngược lại...
- Nhu cầu USD bất thường: động đất, song thân,... làm cầu ngoại tệ tăng nên TG tăng
- b/ mức chênh lệch lạm phát giữa VN và M:
 - Trong ngắn hạn, tỷ giá có thể chịu tác động đột biến của cung – cầu nhưng về dài hạn, tỷ giá sẽ vận hành theo sự chênh lệch giữa lạm phát trong nước và nước ngoài. Điều này đã được minh chứng trong diễn biến tỷ giá những năm trở lại đây. Trong giai đoạn 2004 – 2008, mỗi năm Việt Nam đón nhận lượng vốn đầu tư nước ngoài rất lớn chảy vào làm cho nguồn cung USD tăng cao, nguồn cung USD cao đã kìm giữ tỷ giá danh nghĩa chỉ tăng 3,5%. Tuy nhiên, sự tích tụ của lạm phát trong nước giai đoạn này đã làm chênh lệch lạm phát trong nước và nước ngoài lên đến hơn 40%. Kết quả của sự chênh lệch lạm phát này là áp lực phá giá liên tục đè nặng lên tiền đồng. Mặc dù áp lực này đã làm tiền đồng bị phá giá 30% từ năm 2008 đến nay, nhưng theo logic này thì áp lực phá giá sẽ tiếp tục tăng bởi mức chênh lệch lạm phát từ năm 2004 cho đến nay đã lên đến 70%.

c/ mức chênh lệch lãi suất giữa VN và M

- Hiện nay lãi suất ở VN cao hơn ở M đã thu hút dòng vốn ngắn hạn vào nước, cung ngoại tệ lớn dẫn tới TG giảm

d/ các yếu tố mang tính chính sách như thuế quan, hạn ngạch, trợ cấp...

sau khi VN gia nhập WTO thì các chính sách thuế quan và hạn ngạch đã giảm và được dỡ bỏ, cũng như những chính sách trợ cấp cho hàng xuất nhập khẩu thúc đẩy nhập khẩu khiến cầu ngoại tệ và hiện nay tỷ giá ngoại tệ cao

ngoài ra còn các yếu tố về tâm lý, môi trường kinh doanh, yếu tố kinh tế, chính trị

Câu 8: các biện pháp điều chỉnh tỷ giá hiện nay ở VN:

Chính sách chiết khấu

- Đây là chính sách mà ngân hàng Trung Ương bằng cách thay đổi lãi suất cho vay chiết khấu của mình để điều chỉnh tỷ giá hối đoái trên thị trường.
- Khi muốn cho tỷ giá hối đoái giảm xuống, ngân hàng Trung Ương sẽ thực hiện biện pháp nâng cao lãi suất, làm cho lãi suất huy động trên thị trường tăng lên. Khi đó việc tham gia gửi tiền vào ngân hàng trở nên sinh lợi tốt hơn, bên cạnh đó thị trường ngoại hối cũng sẽ có bước chuyển mình khi dòng vốn ngoại tệ ngắn hạn trên thị trường lập tức được chuyển vào ngân hàng để được hưởng mức lãi suất cao hơn các khu vực khác. Lượng vốn nước ngoài chảy vào sẽ xoa dịu sự căng thẳng của con khát ngoại tệ, do đó làm cho tỷ giá giảm xuống.
- Còn khi ngân hàng Trung Ương muốn cho tỷ giá tăng lên thì sẽ làm ngược lại bằng cách giảm lãi suất chiết khấu xuống thấp hơn đến khi dòng vốn ngoại tệ chảy sang các quốc gia khác – những nơi có lãi suất cao hơn.

Chính sách hối đoái

- Đây là chính sách mà Ngân hàng trung ương thường sử dụng để can thiệp trực tiếp vào thị trường ngoại hối bằng cách mua bán ngoại tệ trên thị trường.
 - Khi tỷ giá đồng nội tệ tăng cao hơn so với một số đồng tiền ngoại tệ khác, điều này sẽ khiến cho mặt hàng của quốc gia đó kém cạnh tranh hơn so với các quốc gia khác. Lúc này ngân hàng Trung ương sẽ hành động bằng cách tăng cường bán ra lượng ngoại hối (đồng tiền cần bán ra để hạ tỷ giá so với đồng tiền đó) ra thị trường làm cung ngoại hối của đồng tiền đó trên thị trường tăng lên do đó làm giảm bớt áp lực về cung cầu ngoại hối trên thị trường và hệ quả là tỷ giá với đồng tiền vừa bán ra sẽ tụt xuống.
 - Ngoài ra Chính phủ còn điều chỉnh bằng quy định hạn chế đối tượng mua ngoại tệ, mục đích sử dụng ngoại tệ, hạn chế số lượng mua ngoại tệ, thời điểm được mua ngoại tệ... nhằm giảm cung, tránh đầu cơ, ổn định giá cả
- Chính sách thuế quan, hạn ngạch, giá cả:
- Thuế quan cao có tác dụng hạn chế nhập khẩu, giảm cầu ngoại tệ từ đó giảm tỷ giá và ngược lại
 - Hạn ngạch : hạn chế nhập khẩu, giảm cầu ngoại tệ

- Giá cả: chính phủ có thể trợ giá cho những mặt hàng xuất khẩu chiến lược, làm khối lượng xuất khẩu tăng, tăng cung ngoại tệ, tỷ giá giảm. Nếu muốn tăng TG chính phủ trợ giá cho hàng nhập khẩu thiết yếu để tăng nhập khẩu, tăng cầu ngoại tệ.

Điều chỉnh tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ đối với các NHTM:

- Khi ngoại tệ khan hiếm trên thị trường ngoại hối: tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với vốn huy động bằng ngoại tệ, chi phí sử dụng vốn tăng, buộc phải hạ lãi suất huy động làm tăng cung ngoại tệ, giảm tỷ giá

Chính sách lãi suất:

- Quy định mức lãi suất trần kém hấp dẫn cho tiền gửi bằng ngoại tệ để tăng cung ngoại tệ

Câu 9:

a/ phá giá tiền tệ là việc đánh tụt sức mua của đồng nội tệ so với các loại ngoại tệ, thấp hơn sức mua thực tế của nó

b/ tác động của phá giá tiền tệ

- Xuất khẩu hàng hóa tăng, nhập khẩu hàng hóa giảm, tác động tích cực đến cán cân thanh toán
- NK vốn tăng, XK vốn giảm, tác động tích cực đến cán cân vốn
- Khuyến khích du lịch vào trong nước
- Tác động tiêu cực: tước đoạt 1 phần giá trị thực tế của người có tiền bị phá giá

c/ Chính phủ phá giá tiền tệ khi

- Muốn nâng cao năng lực cạnh tranh một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn so với cơ chế để nền kinh tế tự điều chỉnh theo hướng suy thoái (vì khả năng cạnh tranh kém nên cầu xuất khẩu ròng giảm dẫn đến tổng cầu giảm) đi kèm với mức lạm phát thấp kéo dài cho đến khi năng lực cạnh tranh tăng lên (do tiền lương, giá cả giảm xuống đến mức có khả năng cạnh tranh). Chính phủ các nước thường sử dụng chính sách phá giá tiền tệ khi có một cú sốc mạnh và kéo dài đối với cán cân thương mại.
- Trong trường hợp cầu về nội tệ giảm thì chính phủ sẽ phải dùng ngoại tệ dự trữ để mua nội tệ vào nhằm duy trì tỷ giá hối đoái và đến khi ngoại tệ dự trữ cạn kiệt thì không còn cách nào khác, chính phủ phải phá giá tiền tệ.

Câu 10:

a/ phân tích tác động của phá giá với ổn định kinh tế vĩ mô:

- Trong ngắn hạn: việc phá giá tiền tệ sẽ làm cho tỷ giá hối đoái thực tế thay đổi, nâng cao sức cạnh tranh của quốc gia do đó làm tăng xuất khẩu ròng vì hàng xuất khẩu rẻ đi một cách tương đối trên thị trường quốc tế, hàng nhập khẩu đắt lên tương đối tại thị trường nội địa. Tuy vậy có những yếu tố làm cho xu hướng này không phát huy tức thì: các hợp đồng đã thoả thuận trên cơ sở tỷ giá cũ, người mua cần có thời gian để điều chỉnh hành vi trước mức giá mới và quan trọng hơn là việc dồn các nguồn lực vào và tổ chức sản xuất không thể tiến hành nhanh chóng được. Như vậy trong ngắn hạn thì số lượng hàng xuất khẩu không tăng mạnh và số lượng hàng nhập khẩu không giảm mạnh. Nếu giá hàng xuất khẩu ở trong nước cứng nhắc thì kim ngạch xuất khẩu chỉ tăng không nhiều đồng thời giá hàng nhập khẩu tính theo nội tệ sẽ tăng lên do tỷ giá đã thay đổi dẫn đến cán cân thanh toán vẫn lại có thể xấu đi.
- Trong trung hạn: GDP hay chính là tổng cầu gồm các thành tố chi cho tiêu dùng của dân cư, chi cho đầu tư, chi cho mua hàng của chính phủ và xuất khẩu ròng. Việc phá giá làm tăng cầu về xuất khẩu ròng và tổng cung sẽ điều chỉnh như sau:
 - Nếu nền kinh tế đang ở dưới mức sản lượng tiềm năng thì các nguồn lực nhàn rỗi sẽ được huy động và làm tăng tổng cung.
 - Nếu nền kinh tế đã ở mức sản lượng tiềm năng thì các nguồn lực không thể huy động thêm nhiều và do đó tổng cung cũng chỉ tăng lên rất ít dẫn đến việc tăng tổng cầu kéo theo giá cả, tiền lương tăng theo và triệt tiêu lợi thế cạnh tranh của việc phá giá. Vì thế trong trường hợp này, muốn duy trì lợi thế cạnh tranh và đạt mục tiêu tăng xuất ròng thì chính phủ phải sử dụng chính sách tài chính thắt chặt (tăng thuế hoặc giảm mua hàng của chính phủ) để tổng cầu không tăng nhằm ngăn chặn sự tăng lên của giá cả trong nước.
- Trong dài hạn: Nếu như trong trung hạn, phá giá tiền tệ kèm theo chính sách tài chính thắt chặt có thể triệt tiêu được áp lực tăng giá trong nước thì trong dài hạn các yếu tố từ phía cung sẽ tạo ra áp lực tăng giá. Hàng nhập khẩu trở nên đắt tương đối và các doanh nghiệp sử dụng đầu vào nhập khẩu sẽ có chi phí sản xuất tăng lên dẫn đến phải tăng giá; người dân tiêu dùng hàng nhập khẩu với giá cao hơn sẽ yêu cầu tăng lương và gây áp lực làm cho tiền lương tăng. Cuối cùng việc tăng giá cả và tiền lương trong nước vẫn triệt

tiêu lợi thế cạnh tranh do phá giá. Các nghiên cứu thực nghiệm cho thấy lợi thế cạnh tranh do phá giá bị triệt tiêu trong vòng từ 4 đến 5 năm

b/ Việt Nam có nên phá giá tiền tệ hay không?

- Rõ ràng phá giá tiền tệ có những tác động tích cực đến nền kinh tế như cải thiện cán cân thanh toán, cán cân vốn, phát triển du lịch, dịch vụ, nâng cao đời sống nhờ hàng hóa nhập khẩu đa dạng...
- Tuy nhiên hiệu quả của phá giá phụ thuộc vào dự trữ hàng hóa cho XK, môi trường đầu tư thuận lợi, và sự bí mật để tránh đầu cơ...Do đó, Việt Nam có nên phá giá tiền tệ không, phá giá ở mức nào thì còn phụ thuộc vào năng lực, tình hình kinh tế chính trị của quốc gia cũng như môi trường thế giới. Khi dự trữ hàng hóa đủ lớn và đủ khả năng cạnh tranh với hàng hóa các nước khác, môi trường và quan hệ kinh tế trên thế giới thuận lợi thì phá giá tiền tệ là 1 biện pháp hiệu quả để phát triển kinh tế giống như những gì mà TQ đã làm và đạt được. Quá trình nay diễn ra từ từ, lâu dài và bí mật.

Câu 11:

a/ Nâng giá tiền tệ: là việc nâng sức mua tiền tệ nước mình so với ngoại tệ, cao hơn sức mua thực tế của nó

b/tác dụng: ngược với phá giá

c/ chính phủ nâng giá tiền tệ khi:

- Do áp lực của các nước khác buộc phải nâng giá nội tệ để cạnh tranh công bằng
- Tránh tiếp nhận vốn là những đồng Đô la từ Anh, Mỹ... chảy vào
- Hạ nhiệt nền kinh tế đang phát triển quá nóng
- Xây dựng ảnh hưởng của nước mình thông ra bên ngoài(tăng cường đầu tư và xuất khẩu vốn ra nước ngoài)

Câu 12: Phân biệt TG giao ngay và Kỳ hạn:

	spot	forward
	- Được hình thành từ quan hệ cung cầu trên thị trường, luôn	- K được hình thành từ cung cầu thị trường, phải tính toán từ các

	có sẵn - Áp dụng cho hợp đồng giao ngay có ngày giá trị là sau ngày kí HD từ 1 đến 3 ngày. -	thông số có sẵn trên thị trường như: tỷ giá kỳ hạn, lãi suất - Áp dụng cho HD kỳ hạn với nhiều kỳ hạn khác nhau có ngày giá trị là : ngày kí HD+kỳ hạn+1 đến 3 ngày
--	--	--

Câu 13:

Phân biệt hợp đồng giao ngay và kỳ hạn

	Spot	Forward
1. Mục đích sử dụng	- Phục vụ nhu cầu mua bán ngoại tệ hiện tại - Có thể arbitrage để kiếm lợi	- Phục vụ nhu cầu mua bán ngoại tệ trong tương lai - Phòng ngừa rủi ro và đầu cơ kiếm lợi
2. Tỷ giá áp dụng	- Tỷ giá giao ngay	- Tỷ giá kỳ hạn (phụ thuộc vào tỷ giá giao ngay tại thời điểm kí kết HD, lãi suất, kỳ hạn)
3. Thời điểm chuyển giao ngoại tệ	- Ngày giá trị thường là sau ngày kí kết hợp đồng 1, 2 đến 3 ngày	- Ngày giá trị = ngày kí HD+kỳ hạn+1,2 đến 3 ngày

Câu 14: những loại tỷ giá được sử dụng trong thanh toán quốc tế ở Việt Nam:

Ứng với các hình thức trong thanh toán quốc tế có các loại tỷ giá sau:

- tỷ giá điện hối
 - tỷ giá thư hối
 - tỷ giá séc
 - tỷ giá hối phiếu ngân hàng
- cụ thể như đã làm ở câu 3

Câu 15

- Rủi ro tỷ giá là rủi ro phát sinh do sự biến động của tỷ giá làm ảnh hưởng đến giá trị kỳ vọng trong tương lai. Rủi ro tỷ giá có thể phát sinh trong nhiều hoạt động khác nhau của ngân hàng cũng như của doanh nghiệp. Nhưng nhìn chung bất cứ hoạt động nào mà ngân hàng lưu thu (inflows) phát sinh bằng một loại đồng tiền trong khi ngân hàng lưu chi (outflows) phát sinh một loại đồng tiền khác đều chứa đựng nguy cơ rủi ro tỷ giá. Rủi ro tỷ giá thể hiện ở chỗ khi tỷ giá thay đổi làm cho ngân hàng thay đổi theo.
- Có thể nói rủi ro tỷ giá trong hoạt động xuất nhập khẩu là loại rủi ro tỷ giá thường xuyên gặp phải và đáng lo ngại nhất đối với các công ty có hoạt động xuất nhập khẩu. Sự thay đổi tỷ giá ngoại tệ so với nội tệ làm thay đổi giá trị kỳ vọng của các khoản phải thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ trong tương lai. Điều này khiến cho hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu bị ảnh hưởng đáng kể và nghiêm trọng hơn có thể làm đảo lộn kết quả kinh doanh.
- Trong hoạt động xuất khẩu, vì lý do cạnh tranh và nhiều lý do khác khiến doanh nghiệp thường xuyên bán hàng trả chậm trong một khoảng thời gian nhất định. Ở thời điểm ký kết hợp đồng, tỷ giá ngoại tệ so với VND đã biết. Nhưng đến thời điểm thanh toán, tỷ giá như thế nào doanh nghiệp chưa biết. Chính sự chưa biết rõ tỷ giá này tiềm ẩn rủi ro tỷ giá, đó là tại thời điểm thanh toán mà tỷ giá giảm so với thời điểm ký kết HD thì số tiền doanh nghiệp thu về tính bằng nội tệ sẽ bị giảm.
- Trong hoạt động nhập khẩu, vì lý do thiếu hụt vốn và nhiều lý do khác khiến doanh nghiệp thường xuyên nhập khẩu hàng trả chậm trong một khoảng thời gian nhất định. Ở thời điểm ký kết hợp đồng, tỷ giá ngoại tệ so với VND đã biết. Nhưng đến thời điểm thanh toán, tỷ giá như thế nào doanh nghiệp chưa biết. Do đó tỷ giá này tiềm ẩn rủi ro tỷ

giá, đó là nếu tại thời điểm thanh toán tỷ giá cao hơn thời điểm kí HD, số tiền doanh nghiệp phải bỏ ra tính bằng nội tệ tăng.

❖ Một số biện pháp phòng ngừa

- Chọn những đồng tiền ổn định trong thanh toán quốc tế
- Đa dạng hóa các đồng tiền thanh toán để những biến động tích cực và tiêu cực từ các đồng tiền khác nhau sẽ bù trừ lẫn nhau
- Sử dụng các công cụ phái sinh(hợp đồng tiền tệ kỳ hạn, tương lai, quyền chọn, hoán đổi...)

Câu 16: Các loại rủi ro thường gặp trong quá trình tiến hành hoạt động TTQT của NHTM

-- Phương thức tín dụng chứng từ: Tuy nhiên, khi sử dụng phương thức này cũng có thể xảy ra rủi ro cho các bên tham gia như:

+Rủi ro đối với NH phát hành (NH mở L/C- issuing bank): NH phát hành phải thực hiện thanh toán cho người thụ hưởng theo quy định của L/C trong trường hợp nhà nhập khẩu chủ tâm không thanh toán hay không có khả năng thanh toán. Vì thế, trước khi chấp nhận phát hành L/C, NH cần thẩm định một cách chặt chẽ giống như việc cấp một khoản tín dụng cho khách hàng.

+Rủi ro đối với NH thông báo thư tín dụng: NH thông báo phải chịu trách nhiệm về tính chân thật, hợp lệ của thư tín dụng (bao gồm cả việc xác minh chữ ký, khoá mã, mẫu điện...) trước khi gửi thông báo cho nhà xuất khẩu. Rủi ro đối với NH thông báo xảy ra khi gặp phải một L/C giả (hoặc sửa đổi giả) mà không có ghi chú gì. Theo thông lệ quốc tế thì NH thông báo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm với các bên liên quan.

+ Rủi ro đối với NH được chỉ định:: trong thực tế, các NH được chỉ định thường ứng trước tiền cho nhà xuất khẩu với điều kiện truy đòi (with recourse) để trợ giúp cho nhà xuất khẩu. Do đó, NH này thường phải tự chịu rủi ro tín dụng đối với NH phát hành hoặc nhà xuất khẩu.

+ Rủi ro đối với NH xác nhận (confirming bank): Rủi ro đối với NH xác nhận xảy ra khi họ không nắm vững được năng lực tài chính của NH mở mà xác nhận theo yêu cầu của họ để rồi khi xảy ra hậu quả thì lại phải chịu trách nhiệm thanh toán thay cho NH mở L/C do NH mở L/C thiếu thiện chí hay mất khả năng thanh toán, thậm chí bị phá sản.

+Rủi ro đối với NH chiết khấu (negotiating bank): Các rủi ro mà NH chiết khấu có thể gặp phải là: Rủi ro do những nguyên nhân bất khả kháng; rủi ro do nhà nhập khẩu trì hoãn thanh toán; rủi ro trong quá trình vận chuyển; rủi ro do nhà nhập khẩu từ chối thanh toán bộ chứng từ; rủi ro do

NH mở bị phá sản; rủi ro do NH chiết khấu không hành động đúng theo quy định của UCP500.

- Rủi ro mất đạo đức kinh doanh: Là những rủi ro khi một bên tham gia cố tình không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, làm ảnh hưởng tới quyền lợi của các bên khác.

--Rủi ro do cơ chế chính sách thay đổi hay còn gọi là rủi ro chính trị: Là những rủi ro có quan hệ với nhiều đối tượng ở nhiều quốc gia khác nhau. Mỗi một sự thay đổi về kinh tế, chính trị đều có ảnh hưởng đến khả năng thanh toán và sự đáp ứng các điều kiện đã thoả thuận trong hợp đồng của các bên. Suy thoái kinh tế và biến động chính trị sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và giao lưu thương mại quốc tế.

Ngoài ra còn một số rủi ro khác như thiên tai, hoả hoạn...

Câu 17 :

Việt Nam Áp dụng phương pháp yết giá ngoại tệ trực tiếp : giá của đồng ngoại tệ được thể hiện rõ trên tỷ giá.

Các nước Anh , Úc , NZ, EU dùng phương pháp yết giá ngoại tệ gián tiếp.

Mỹ áp dụng phương pháp yết giá trực tiếp với các ngoại tệ GBP, AUD, NZD , EUR,SDR còn đối với các ngoại tệ khác dùng phương pháp yết giá gián tiếp.

Trung Quốc ,Nga áp dụng phương pháp yết giá trực tiếp.

Câu 18:

Tại New York , tỷ giá USD/VND= 20 565/75 và 20 6575/85.có nghĩa là đồng VND đang mất giá so với đồng USD. Tỷ giá tăng lên.

Câu 19 :

Tại Việt Nam , công bố tỷ giá GBP/VND=23.450/23.550 là đúng

Câu 20 :

Lãi suất để tính tỷ giá séc du lịch là lãi suất huy động **nội tệ** của ngân hàng

Câu 21:

Lãi suất để tính tỷ giá hối phiếu ngân hàng là lãi suất huy động **ngoại tệ** của ngân hàng

Câu 22 :

Tỷ giá kì hạn 30 ngày USD/VND là ngày 01/1/2010 thì ngày giao nhận và ngày thanh toán ngoại tệ là ngày 2/2/2010 ($FVD = T+2 + X$)

Câu 23 :

Tỷ giá giao ngay ở Hà Nội USD/VND là 20 K , tỷ giá kì hạn 3 tháng là 20,5K. Nếu 3 tháng tới , tỷ giá giao ngay USD/VND giảm còn 20K nhà nhập khẩu nên tiến hành giao dịch nào thì có lợi ? Tất nhiên là đợi 3 tháng nữa rồi mua vs giá 20 còn gì nữa nhĩ ?? !

Câu 24 : Doanh nghiệp xuất nhập khẩu sử dụng quyền chọn mua ngoại tệ trong trường hợp Nhà nhập khẩu dự kiến sẽ phải thanh toán cho nhà xuất khẩu để phòng ngừa rủi ro khi dự báo tỷ giá tương lai tăng thì họ sẽ mua hợp đồng quyền chọn mua

VD :

Một DN NK dự kiến tháng tới sẽ thanh toán cho bên nước ngoài 100.000 EUR. Để bảo vệ giá trị đồng vốn và có thể hưởng lợi từ việc thay đổi của tỷ giá, DN có thể: Ký hợp đồng quyền lựa chọn mua 100.000 EUR (Call EUR Option), hợp đồng với nội dung sau: Tỷ giá mua EUR/USD = 1,4000 (tỷ giá đặt mua) , Thời hạn hiệu lực: 01 tháng, Option kiểu Mỹ, Phí: 1% hay 1.400 USD.

Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, sẽ xảy ra các trường hợp sau:

- Nếu tỷ giá EUR/USD = 1,300 ; DN có quyền không thực hiện hợp đồng, mà dùng 130 000 USD để mua 100 000 EUR.

Trong trường hợp này DN có lợi hơn so với việc mua kỳ hạn là: $(1,4000 - 1,3000) \times 100.000 = 10\,000$ USD; $10\,000$ USD - 1 400 USD (phí) = 8600 USD.

- Nếu tỷ giá EUR/USD = 1,5000; DN vẫn được quyền mua 100 000 EUR với giá 1,4000 hay 140 000 USD. Nếu không có hợp đồng Option, thì để mua 100 000 EUR DN phải dùng đến 150 000 USD.

Trong trường hợp này DN lợi: $150\,000 - 140\,000 = 10\,000$; $10\,000$ USD - 1.400 USD = 8600 USD.

Câu 25 : Doanh nghiệp xuất nhập khẩu sử dụng quyền chọn bán ngoại tệ trong trường hợp

Nhà xuất khẩu dự kiến sẽ thu được 1 khoản ngoại tệ do xuất khẩu . Để phòng ngừa rủi ro việc tỷ giá giảm trong tương lai , nhà xuất khẩu sẽ mua hợp đồng quyền chọn bán ngoại tệ

VD : Một DN XK dự kiến trong tháng tới sẽ thu về một khoản ngoại tệ 100.000 EUR. Để bảo vệ

giá trị đồng vốn và có thể hưởng lợi từ việc biến động của tỷ giá, DN có thể:

Ký hợp đồng quyền lựa chọn bán 100.000 EUR (Put EUR Option) với nội dung như sau: Tỷ giá bán EUR/USD = 1,4000 (tỷ giá đặt bán). Thời hạn hiệu lực: 01 tháng. Option kiểu Mỹ. Phí: 1% hay 1400 USD.

Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng xảy ra 1 trong 2 trường hợp sau:

Nếu tỷ giá EUR/USD = 1,5000, DN có quyền không thực hiện hợp đồng mà đem bán 100.000 EUR để lấy 150.000 USD.

Lợi nhuận mà DN có được so với việc bán kỳ hạn: $(1,5000 - 1,4000) \times 100.000 = 10\,000$ USD;
 $10\,000$ USD – 1400 USD = 8.600 USD.

Nếu tỷ giá EUR/USD = 1,3000 DN được quyền bán 100 000 EUR cho Ngân hàng để lấy 140 000 USD. Nếu không có hợp đồng Option thì DN khi bán 100 000 EUR sẽ thu về 130 000 USD, thấp hơn 10 000 USD so với tỷ giá đặt bán trong hợp đồng. Trong trường hợp này nhờ có hợp đồng Option mà có lợi: $10\,000$ USD - 1 400 USD = 8600 USD.